



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tổng Công ty đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Thân Hồng Linh	Chủ tịch	
Ông Trần Đức Toàn	Thành viên	
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Minh	Thành viên	
Ông Tống Văn Toàn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2023
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đức Toàn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phúc	Trưởng ban
Ông Hoàng Khánh Duy	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thành	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *[Chữ ký]*



KTS Phản Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: 250823.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM) chưa đánh giá khả năng tồn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2023 với số tiền là 38,28 tỷ VND (tại ngày 31/12/2022 là 42,47 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được khả năng thu hồi các khoản phải thu này cũng như giá trị dự phòng cần trích lập bổ sung (nếu có) là bao nhiêu.

Kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		862.204.648.676	910.612.494.409
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.195.312.581	86.839.280.099
111	1. Tiền		34.195.312.581	48.503.464.457
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.000.000.000	38.335.815.642
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	224.372.955.537	212.394.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		224.372.955.537	212.394.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		297.970.424.620	307.757.154.739
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	236.583.088.907	250.792.951.404
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.200.464.650	14.903.707.665
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	64.873.967.047	59.909.081.654
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17.687.095.984)	(17.848.585.984)
140	IV. Hàng tồn kho	9	248.236.359.719	262.221.529.574
141	1. Hàng tồn kho		248.236.359.719	262.221.529.574
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.429.596.219	41.400.529.997
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.253.847.187	2.041.919.977
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		35.647.579.829	36.973.440.678
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.528.169.203	2.385.169.342
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		251.018.690.905	265.693.928.883
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.270.654.916	1.279.496.916
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.270.654.916	1.279.496.916
220	II. Tài sản cố định		128.903.078.889	134.073.757.174
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	122.877.830.756	127.018.755.707
222	- Nguyên giá		279.634.434.866	280.117.766.866
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.756.604.110)	(153.099.011.159)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.025.248.133	7.055.001.467
228	- Nguyên giá		17.618.193.436	17.618.193.436
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.592.945.303)	(10.563.191.969)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		349.855.000	349.855.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		349.855.000	349.855.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	109.978.300.019	114.493.049.568
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		69.305.350.604	73.820.100.153
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.672.949.415	40.672.949.415
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.516.802.081	15.497.770.225
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	10.516.802.081	15.497.770.225
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.113.223.339.581	1.176.306.423.292

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		665.717.580.795	714.072.567.819
310	I. Nợ ngắn hạn		647.637.592.813	696.121.413.667
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	36.866.650.071	52.597.192.257
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	278.449.208.110	306.274.691.038
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.387.687.284	11.324.752.864
314	4. Phải trả người lao động		18.247.634.533	42.153.570.641
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	34.988.115.054	45.194.144.816
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.211.615.924	1.279.262.485
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	215.728.532.344	192.332.442.081
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	37.609.362.072	33.131.284.611
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	634.422.000	634.422.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.514.365.421	11.199.650.874
330	II. Nợ dài hạn		18.079.987.982	17.951.154.152
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		3.490.624.604	3.577.538.214
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	14.589.363.378	14.373.615.938
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		447.505.758.786	462.233.855.473
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	447.269.869.318	462.199.704.905
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		357.744.480.000	357.744.480.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		357.744.480.000	357.744.480.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(15.975.850.433)	(15.975.850.433)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		22.544.918.221	22.544.918.221
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		989.424.183	989.424.183
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.218.226.584	27.630.005.613
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		6.178.189.136	4.725.061.760
421b	LNST chưa phân phối năm nay		11.040.037.448	22.904.943.853
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		64.748.670.763	69.266.727.321
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		235.889.468	34.150.568
431	1. Nguồn kinh phí		235.889.468	34.150.568
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.113.223.339.581	1.176.306.423.292

Trần Đức Toàn

Nguyễn Thị Đoàn Trang



Trịnh Tuấn Anh
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng

KTS: Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	282.513.440.880	312.115.369.103
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		282.513.440.880	312.115.369.103
11	4. Giá vốn hàng bán	23	230.766.838.396	255.017.665.629
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.746.602.484	57.097.703.474
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	11.302.231.515	9.900.168.897
22	7. Chi phí tài chính	25	466.889.922	643.610.838
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		457.687.157	643.217.220
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(4.514.749.549)	(4.594.506.755)
25	9. Chi phí bán hàng		-	4.667.524
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39.623.262.642	44.457.628.001
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.443.931.886	17.297.459.253
31	12. Thu nhập khác	27	1.000.993.381	1.869.771.045
32	13. Chi phí khác	28	1.277.725.877	1.882.045.574
40	14. Lợi nhuận khác		(276.732.496)	(12.274.529)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.167.199.390	17.285.184.724
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3.350.408.034	3.044.288.101
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.816.791.356	14.240.896.623
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		11.040.037.448	10.150.908.636
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		3.776.753.908	4.089.987.987
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	309	284



Trịnh Tuấn Anh

Người lập

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023



Nguyễn Thị Đoàn Trang

Kế toán trưởng



KTS. Trần Đức Toàn

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.167.199.390	17.285.184.724
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.275.498.285	4.478.450.443
03	- Các khoản dự phòng		(161.490.000)	(72.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.202.765	(52.992.532)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.933.391.057)	(5.261.478.974)
06	- Chi phí lãi vay		457.687.157	643.217.220
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.814.706.540	17.020.380.881
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.257.924.694	10.961.594.378
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.985.169.855	1.785.806.911
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(70.823.201.713)	(11.735.097.221)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.769.040.934	6.377.220.805
14	- Tiền lãi vay đã trả		(457.687.157)	(643.217.220)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.767.888.734)	(1.730.104.840)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		600.110.459	593.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.458.361.255)	(7.573.792.070)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.080.186.377)	15.055.791.624
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(104.820.000)	(468.925.127)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		145.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.578.955.537)	(23.550.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.600.000.000	6.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(166.431.502)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.851.915.863	9.846.099.365
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.085.950.583)	(8.339.257.264)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.488.683.863	10.287.157.782
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.010.606.402)	(15.493.897.826)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.946.705.254)	(1.465.383.769)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(468.627.793)	(6.672.123.813)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(35.634.764.753)	44.410.547
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		86.839.280.099	123.922.454.680
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.202.765)	52.992.532
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>51.195.312.581</u>	<u>124.019.857.759</u>



Trịnh Tuấn Anh
Người lập



Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng



KTS. Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tổng Công ty đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 357.744.480.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 357.744.480.000 VND; tương đương 35.774.448 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là dịch vụ tư vấn xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng.

Cấu trúc Tổng Công ty

- Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	Hà Nội	57,76%	57,76%	Khảo sát xây dựng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

- Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Việt Nam	Hà Nội	34,17%	67,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Hà Nội	Hà Nội	38,25%	75,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam	Hồ Chí Minh	51,00%	100,00%	Tư vấn xây dựng

- Tổng Công ty có các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Hà Nội	49,00%	49,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Hà Nội	49,00%	49,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Hà Nội	35,35%	35,35%	Tư vấn xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	Hồ Chí Minh	48,57%	48,57%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân (Công ty liên kết của USCO)	Hà Nội	23,10%	40,00%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị đánh giá lại (được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại căn cứ quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018, Quyết định 607/QĐ-BXD ngày 24/05/2021 về giá trị vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam sang Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP) và điều chỉnh cho các phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày được bàn giao sang Công ty cổ phần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc và được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định 607/QĐ-BXD ngày 24/05/2021 về giá trị vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam sang Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP). Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với Công ty mẹ, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 06 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm. Thực hiện theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ, Tổng Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí hoạt động kinh doanh đến 30 tháng 11 năm 2023.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 10 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trích trước các hợp đồng tư vấn, chi phí hoạt động quản lý của Tổng Công ty... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty sau khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	10.613.927.130	4.506.611.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.581.385.451	43.946.853.113
Tiền đang chuyển	-	50.000.000
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	38.335.815.642
	51.195.312.581	86.839.280.099

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	224.372.955.537	-	212.394.000.000	-
	224.372.955.537	-	212.394.000.000	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2023				01/01/2023			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết				VND				VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Hà Nội	49,00%	49,00%	69.305.350.604	Hà Nội	49,00%	49,00%	73.820.100.153
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Hà Nội	49,00%	49,00%	6.451.378.071	Hà Nội	49,00%	49,00%	6.866.671.181
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Hà Nội	35,35%	35,35%	17.559.784.932	Hà Nội	35,35%	35,35%	18.189.362.172
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	TP. Hồ Chí Minh	48,57%	48,57%	16.375.280.440	TP. Hồ Chí Minh	48,57%	48,57%	19.013.232.427
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	Hà Nội	23,10%	40,00%	19.935.070.217	Hà Nội	23,10%	40,00%	19.935.070.217
				69.305.350.604				73.820.100.153

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 34.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	21.114.000.000	-	21.114.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA (LILAMA LAND)	6.626.292.837	-	6.626.292.837	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	8.860.349.441	-	8.860.349.441	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	1.425.051.231	-	1.425.051.231	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	1.770.000.000	-	1.770.000.000	-
- Công ty Cổ phần SXKD Vật liệu Xây dựng Việt Nam	840.000.000	-	840.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật CCBM - S	37.255.906	-	37.255.906	-
	40.672.949.415	-	40.672.949.415	-

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	Hà Nội	19,70%	19,70%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA (LILAMA LAND)	Hà Nội	6,21%	6,21%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	Hà Nội	13,80%	13,80%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	Hồ Chí Minh	5,20%	5,20%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần SXKD Vật liệu Xây dựng Việt Nam	Hà Nội	7,00%	7,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật CCBM - S	Hà Nội	4,75%	4,75%	Tư vấn xây dựng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	742.687.642	-	3.459.823.453	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes	12.339.616.209	-	1.671.892.319	-
- Công ty Cổ phần Thái Sơn – Long An	10.265.184.124	-	-	-
- Công an tỉnh Sóc trăng	6.544.809.000	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	4.722.600.000	-	-	-
- Công ty TNHH CHIYODA Việt Nam	3.071.530.828	-	-	-
- Công ty Cổ phần CDC Hà Nội	2.016.677.637	-	2.347.646.931	-
- Công ty Cổ phần Vinpearl - CN Kiên Giang	3.066.309.000	(3.066.309.000)	3.066.309.000	(3.066.309.000)
- Phải thu khách hàng khác	193.813.674.467	(14.620.786.984)	240.247.279.701	(14.782.276.984)
	236.583.088.907	(17.687.095.984)	250.792.951.404	(17.848.585.984)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Khoáng sản Việt Nam	2.996.526.437	-	2.996.526.437	-
Trả trước cho người bán khác	11.203.938.213	-	11.907.181.228	-
	14.200.464.650	-	14.903.707.665	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.450.315.652	-	-	-
- Phải thu người lao động	4.515.463.150	-	4.400.992.345	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	214.551.552	-	167.392.716	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	4.349.024	-	-	-
- Tạm ứng	48.959.608.527	-	44.633.236.585	-
- Ký cược, ký	3.000.000	-	55.738.119	-
- Phải thu thuế TNCN	1.289.755.570	-	3.251.210.042	-
- Phải thu khác	6.436.923.572	-	7.400.511.847	-
	64.873.967.047	-	59.909.081.654	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	2.565.330.000	-	-	-
- Công ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	1.560.240.000	-	-	-
- Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	509.040.000	-	-	-
- Công ty CP Công nghệ và Tư vấn CIC	496.050.000	-	-	-
Bên khác	62.308.637.047	-	59.909.081.654	-
Phải thu khác	62.308.637.047	-	59.909.081.654	-
	64.873.967.047	-	59.909.081.654	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

8 . NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Giao thông (Intracom)	1.284.925.000	-	1.402.958.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản AZ	746.416.000	-	746.416.000	-
- Công ty Cổ phần Vinpearl - Chi nhánh Kiên Giang	3.066.309.000	-	3.066.309.000	-
- Các khoản khác	13.086.862.169	497.416.185	12.680.373.814	47.470.830
	18.184.512.169	497.416.185	17.896.056.814	47.470.830

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	293.397.917	-	293.397.917	-
Công cụ, dụng cụ	202.277.750	-	282.580.194	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	246.858.833.235	-	260.582.059.498	-
Thành phẩm	524.710.946	-	524.710.946	-
Hàng hoá	357.139.871	-	538.781.019	-
	248.236.359.719	-	262.221.529.574	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCPC

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	176.738.293.090	75.952.523.562	24.783.829.042	2.643.121.172	280.117.766.866
- Mua trong kỳ	-	74.820.000	-	30.000.000	104.820.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(588.152.000)	-	(588.152.000)
Số dư cuối kỳ	176.738.293.090	76.027.343.562	24.195.677.042	2.673.121.172	279.634.434.866
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	79.544.885.779	49.132.936.968	21.994.246.112	2.426.942.300	153.099.011.159
- Khấu hao trong kỳ	2.325.641.464	1.615.626.325	261.464.064	43.013.098	4.245.744.951
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(588.152.000)	-	(588.152.000)
Số dư cuối kỳ	81.870.527.243	50.748.563.293	21.667.558.176	2.469.955.398	156.756.604.110
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	97.193.407.311	26.819.586.594	2.789.582.930	216.178.872	127.018.755.707
Tại ngày cuối kỳ	94.867.765.847	25.278.780.269	2.528.118.866	203.165.774	122.877.830.756

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.018.446.434 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 63.976.237.839 VND.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.056.384.800	16.561.808.636	17.618.193.436
Số dư cuối kỳ	1.056.384.800	16.561.808.636	17.618.193.436
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	10.563.191.969	10.563.191.969
- Khấu hao trong kỳ	-	1.029.753.334	1.029.753.334
Số dư cuối kỳ	-	11.592.945.303	11.592.945.303
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.056.384.800	5.998.616.667	7.055.001.467
Tại ngày cuối kỳ	1.056.384.800	4.968.863.333	6.025.248.133

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.695.328.636 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.556.793.263	1.475.981.692
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	697.053.924	565.938.285
	2.253.847.187	2.041.919.977
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.630.825.446	9.230.299.082
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	1.873.496.509	4.121.692.317
Giá trị còn lại của Trụ sở Tổng Công ty theo quyết định của Bộ Xây dựng	-	833.298.700
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.012.480.126	1.312.480.126
	10.516.802.081	15.497.770.225

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp bao gồm: Giá trị lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo Quyết định 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/08/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015. Chi phí này được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh không quá 10 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 07/10/2016, giá trị ban đầu là 16.788.430.937 VND và Giá trị lợi thế kinh doanh bổ sung theo Biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ tháng 01/2020 được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tính từ thời điểm ngày 01/07/2020, giá trị bổ sung là 846.814.775 VND. Thực hiện theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ, Tổng Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí hoạt động kinh doanh đến 30/11/2023.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Wilson Hòa Bình	2.229.583.032	2.229.583.032	3.832.811.584	3.832.811.584
- Công ty Cổ phần INNO	1.057.684.757	1.057.684.757	1.057.684.757	1.057.684.757
- Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	2.655.212.800	2.655.212.800	2.982.607.200	2.982.607.200
- Phải trả các đối tượng khác	30.924.169.482	30.924.169.482	44.724.088.716	44.724.088.716
	36.866.650.071	36.866.650.071	52.597.192.257	52.597.192.257

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	116.000.002	116.000.002
Công ty TNHH SLUC	4.017.000.000	5.087.500.000
Công ty TNHH CHIYODA Việt Nam	212.500.000	5.068.750.000
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển VPD	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch cáp treo Fansipan Sapa	4.260.000.000	4.260.000.000
Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	4.438.094.295	4.438.094.295
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Chăm sóc phát triển Cộng đồng	-	5.775.000.000
Công ty TNHH Azusa Sekkei	4.248.825.600	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	5.411.944.444	6.168.888.889
Người mua trả tiền trước khác	245.208.175.769	264.823.789.852
	278.449.208.110	306.274.691.038

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCPC

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	1.831.956.700		5.949.885.090		15.575.987.940		15.722.277.048		530.362.811		4.502.002.093	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	332.314.065		1.576.819.595		3.372.098.943		2.767.888.734		-		1.848.715.739	
Thuế Thu nhập cá nhân	191.599.737		1.909.740.088		1.367.174.358		4.905.869.248		1.983.982.970		163.428.431	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		1.876.483.128		2.051.847.740		2.061.281.795		-		1.867.049.073	
Các loại thuế khác	-		-		34.000.000		34.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.298.840		11.824.963		277.628.119		267.485.716		13.823.422		6.491.948	
	2.385.169.342		11.324.752.864		22.678.737.100		25.758.802.541		2.528.169.203		8.387.687.284	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
- Chi phí trích trước giá thành công trình, hợp đồng tư vấn	34.802.806.212		44.043.144.816	
- Chi phí phải trả khác	185.308.842		1.151.000.000	
	34.988.115.054		45.194.144.816	

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.194.228.273	898.843.632
- Bảo hiểm xã hội	3.632.916.064	4.121.271.097
- Bảo hiểm y tế	179.577.769	163.901.826
- Bảo hiểm thất nghiệp	120.085.975	90.385.349
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	436.048.400	450.313.920
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.929.331.032	1.525.804.495
- Các khoản phải trả chủ nhiệm công trình	187.424.029.295	177.306.773.958
- Phải trả ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	1.125.000.000	1.125.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Tứ kỳ - đặt cọc thực hiện dự án (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.687.315.536	1.650.147.804
	215.728.532.344	192.332.442.081
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.315.565.910	2.091.193.470
- Văn phòng đại diện Johs Rieckerman tại Việt Nam (**)	12.273.797.468	12.282.422.468
	14.589.363.378	14.373.615.938
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Phải trả về ủy thác đầu tư	1.125.000.000	1.125.000.000
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	375.000.000	375.000.000
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	375.000.000	375.000.000
Phải trả thù lao người đại diện vốn	663.499.060	383.866.664
- Nguyễn Xuân Hải	158.000.000	98.000.000
- Nguyễn Bá Minh	54.000.000	36.000.000
- Nguyễn Thị Tố Trinh	451.499.060	249.866.664
	1.788.499.060	1.508.866.664

(*) Khoản tiền nhận đặt cọc thực hiện dự án Khu nhà ở tại Tứ Kỳ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại các bên chưa tiếp tục triển khai dự án.

(**) Bao gồm khoản phải trả tiền góp vốn xây dựng tòa nhà VG Building phát sinh tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng - CCBM được phân bổ dần vào thời gian sử dụng tòa nhà VG Building hàng năm, doanh thu tương ứng văn phòng đại diện Johs Rieckerman (JR) tại Việt Nam được hưởng đến năm 2030 và các khoản thu hộ/trả hộ giữa JR và CCBM.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/HDTD/BDI ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (công ty con) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: dưới 8 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay;
 - + Lãi suất cho vay: linh động theo từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.381.742.541 VND;
 - + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Các khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Hợp đồng vay số 104/VIDEC_USCO ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO (công ty con) với Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDECON, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, Phụ lục gia hạn của hợp đồng đến 18/12/2024;
 - + Lãi suất cho vay: 0%;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 20.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (3) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO (công ty con) với số dư nợ tại thời điểm cuối năm là 6.839.632.209 VND, trong đó số tiền 5.286.892.009 VND là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo, khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ nhân viên. Một số khoản vay cá nhân khác với số tiền 1.552.740.200 VND, thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo, lãi suất 8,4%/năm.
- (4) Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng - CCBM (công ty con) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long với các điều khoản chi tiết
- + Hạn mức tối đa: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 7.387.987.322 VND;
 - + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: sổ đỏ tầng 1,2,3 của tòa nhà văn phòng CCBM và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả liên quan đến Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo kết luận số 167/KL-TTCTP ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Thanh tra Chính Phủ về Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 – Công ty Gang thép Thái Nguyên và có thể phải trả lại giá trị hợp đồng đã thu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	357.744.480.000	(15.975.850.433)		22.542.929.220	989.424.183	26.662.462.949	67.998.411.014	459.961.856.933				
Lãi trong kỳ trước	-	-		-	-	10.150.908.636	4.089.987.987	14.240.896.623				
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-		-	-	(19.011.450.717)	-	(19.011.450.717)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con CCBM	-	-		-	-	(14.641.827)	(70.340.333)	(84.982.160)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con USCO	-	-		-	-	(230.022.173)	(981.430.735)	(1.211.452.908)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con CDC	-	-		-	-	(1.346.991.900)	(2.587.768.688)	(3.934.760.588)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con VCC	-	-		-	-	(10.226.077)	(29.340.309)	(39.566.386)				
Số dư cuối kỳ trước	357.744.480.000	(15.975.850.433)		22.542.929.220	989.424.183	16.200.038.891	68.419.518.936	449.920.540.797				
Số dư đầu năm nay	357.744.480.000	(15.975.850.433)		22.544.918.221	989.424.183	27.630.005.613	69.266.727.321	462.199.704.905				
Lãi trong kỳ này	-	-		-	-	11.040.037.448	3.776.753.908	14.816.791.356				
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-		-	-	(17.906.023.147)	-	(17.906.023.147)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con CCBM	-	-		-	-	(17.150.317)	(82.391.284)	(99.541.601)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con USCO	-	-		-	-	(206.345.113)	(894.411.074)	(1.100.756.187)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con CDC	-	-		-	-	(1.371.941.561)	(2.611.739.932)	(3.983.681.493)				
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con VCC	-	-		-	-	(1.950.356.339)	(4.706.268.176)	(6.656.624.515)				
Số dư cuối kỳ này	357.744.480.000	(15.975.850.433)		22.544.918.221	989.424.183	17.218.226.584	64.748.670.763	447.269.869.318				

Theo các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Công ty - Công ty mẹ và các Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ		Các công ty con phân phối cho	
	VND	VND	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	4.490.605.147	3.545.793.332		
Chi trả cổ tức	13.415.418.000	5.357.179.265	4.934.813.791	

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp cổ đông Nhà nước	87,32	312.377.480.000	87,32	312.377.480.000
Các cổ đông khác	12,68	45.367.000.000	12,68	45.367.000.000
	100	357.744.480.000	100	357.744.480.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	357.744.480.000	357.744.480.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	357.744.480.000	357.744.480.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	357.744.480.000	357.744.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	1.525.804.495	1.477.967.551
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	18.350.231.791	15.051.621.172
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.350.231.791	15.051.621.172
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(4.946.705.254)	(1.465.383.769)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(4.946.705.254)	(1.465.383.769)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>14.929.331.032</u>	<u>15.064.204.954</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.774.448	35.774.448
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.774.448	35.774.448
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.774.448	35.774.448
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.544.918.221	22.544.918.221
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	989.424.183	989.424.183
	23.534.342.404	23.534.342.404

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty - Công ty mẹ ký hợp đồng thuê đất tại 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 26/04/2005. Diện tích khu đất thuê là 2.500 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty con - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM) ký hợp đồng thuê đất tại ngõ 235 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh thời hạn thuê 39 năm 9 tháng 23 ngày kể từ ngày 22/12/2005. Diện tích khu đất thuê là 1.658 m². Theo hợp đồng này, CCBM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty con - Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO) ký hợp đồng thuê đất tại thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội để sử dụng với diện tích 9.900 m² và thuê đất tại 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội với diện tích 748 m². Ngoài ra, USCO còn ký các hợp đồng thuê đất tại Quy Nhơn, Phú Yên và một số địa chỉ khác. Theo các hợp đồng này, USCO phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty con - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC) ký hợp đồng thuê đất tại ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với tổng diện tích khu đất thuê là 984 m² và thuê đất tại phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với diện tích thuê là 461,4 m² trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 06/04/2005. Theo các hợp đồng này, VCC phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	65.487,85	440.951,92
- Đồng Euro (EUR)	218,90	218,90

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	51.975.000	2.008.925.334
Doanh thu cung cấp dịch vụ	256.008.506.819	276.342.027.228
Doanh thu hợp đồng xây dựng	26.452.959.061	33.764.416.541
	<u>282.513.440.880</u>	<u>312.115.369.103</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>155.000.000</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.710.910	1.923.234.549
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	204.967.524.794	222.730.628.845
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	25.775.602.692	30.363.802.235
	230.766.838.396	255.017.665.629

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.183.675.863	3.101.501.365
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.118.555.652	6.744.598.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.077.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	52.992.532
	11.302.231.515	9.900.168.897
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	4.673.330.000	4.775.686.000

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	457.687.157	643.217.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	393.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	9.202.765	-
	466.889.922	643.610.838

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.112.679.415	2.057.109.655
Chi phí nhân công	20.388.362.247	20.022.608.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.498.326.285	1.197.322.120
Thuế, phí, lệ phí	892.474.265	894.765.959
Hoàn nhập dự phòng	(161.490.000)	(72.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.081.047.434	2.892.250.013
Chi phí khác bằng tiền	13.811.862.996	17.465.571.956
	39.623.262.642	44.457.628.001

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

27 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	145.909.091	9.886.364
Thu nhập khác	855.084.290	1.859.884.681
	1.000.993.381	1.869.771.045

28 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	241.830.328	208.520.050
Chi phí khác	1.035.895.549	1.673.525.524
	1.277.725.877	1.882.045.574

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	1.292.797.188	899.775.371
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	1.650.577.943	1.199.960.898
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	13.480.596	29.723.059
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	268.435.976	814.025.978
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	125.116.331	100.802.795
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.350.408.034	3.044.288.101

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.040.037.448	10.150.908.636
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.040.037.448	10.150.908.636
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	35.774.448	35.774.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	309	284

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.453.893.812	43.153.946.174
Chi phí nhân công	107.476.468.168	116.208.610.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.275.498.285	4.478.450.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.779.863.846	50.701.885.774
Chi phí khác bằng tiền	61.657.439.754	84.887.901.192
	256.643.163.865	299.430.794.352

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.581.385.451	-	-	40.581.385.451
Phải thu khách hàng, phải thu khác	283.769.959.970	1.270.654.916	-	285.040.614.886
Các khoản cho vay	224.372.955.537	-	-	224.372.955.537
	548.724.300.958	1.270.654.916	-	549.994.955.874

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.332.668.755	-	-	82.332.668.755
Phải thu khách hàng, phải thu khác	292.853.447.074	1.279.496.916	-	294.132.943.990
Các khoản cho vay	212.394.000.000	-	-	212.394.000.000
	587.580.115.829	1.279.496.916	-	588.859.612.745

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	37.609.362.072	-	-	37.609.362.072
Phải trả người bán, phải trả khác	252.595.182.415	14.589.363.378	-	267.184.545.793
Chi phí phải trả	34.988.115.054	-	-	34.988.115.054
	325.192.659.541	14.589.363.378	-	339.782.022.919
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	33.131.284.611	-	-	33.131.284.611
Phải trả người bán, phải trả khác	244.929.634.338	14.373.615.938	-	259.303.250.276
Chi phí phải trả	45.194.144.816	-	-	45.194.144.816
	323.255.063.765	14.373.615.938	-	337.628.679.703

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	Ông Nguyễn Xuân Hải - Phó Tổng Giám đốc VNCC đồng thời là Thành viên HĐQT CONINCO
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Tổng Công ty
Các cá nhân, tổ chức khác là người có liên quan của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc <i>(Chi tiết được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng Công ty hàng kỳ)</i>	Người có liên quan đến Ban điều hành Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận, cổ tức được chia	4.673.330.000	4.775.686.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	496.050.000	489.436.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	1.018.080.000	1.272.600.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	2.340.900.000	2.065.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	818.300.000	948.150.000
Bán hàng hóa, dịch vụ	155.000.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	155.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị		
Thân Hồng Linh	273.000.000	273.000.000
Kiều Bích Hoa	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Bá Minh	24.000.000	24.000.000
Tổng Văn Toàn (Bổ nhiệm ngày 28/06/2023)	-	-

Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị còn lại được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Tiền lương và thù lao Ban Tổng Giám đốc		
Trần Đức Toàn	291.000.000	291.000.000
Trần Bình Trọng (Nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ 01/05/2022)	-	88.000.000
Nguyễn Thị Tố Trinh	264.000.000	264.000.000
Nguyễn Đình Thi	216.000.000	216.000.000
Nguyễn Xuân Hải	216.000.000	216.000.000
Nguyễn Trường Linh (Bổ nhiệm ngày 01/08/2022)	216.000.000	-
Nguyễn Minh Hồng (Bổ nhiệm ngày 30/12/2022)	216.000.000	-
	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát		
Nguyễn Văn Phúc	216.000.000	216.000.000
Hoàng Khánh Duy	18.000.000	18.000.000
Phạm Vũ Thành	18.000.000	18.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Tổng Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Trịnh Tuấn Anh
Người lập



Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng



KTS. Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023